

Name: .....

Date: ....../....../20....

Class: S5

Tel: 034 200 9294



Từ vựng: .....

Đọc - Viết: .....

Nghe: .....

Mini Test: .....

## GLOBAL ENGLISH 5

### UNIT 8: RAINFORESTS - VOCABULARY 1

- ❖ **Lưu ý 1:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** đề ghi nhớ nhé.
- ❖ **Lưu ý 2:** Con không sử dụng dạng viết tắt của các trợ động từ ở thể phủ định.
- ❖ **Lưu ý 3:** Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** đề ghi nhớ.
- ❖ **Lưu ý 4:** Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

#### A. VOCABULARY

No.	Words	Meaning	No.	Words	Meaning
1	<b>forest floor</b> (n)	tầng thảm tươi, thảm rừng	12	<b>buzz</b> (v)	kêu vo vo (ong, muỗi,...)
2	<b>understory</b> (n)	tầng dưới tán	13	<b>chirp</b> (v)	kêu chiếp chiếp (chim)
3	<b>oxygen</b> (n)	khí ô xi	14	<b>howl</b> (v)	tru, hú lên (khỉ, sói,...)
4	<b>canopy</b> (n)	tầng tán chính	15	<b>live off the land</b> (idm)	sống nhờ đất, tự nhiên
5	<b>carbon dioxide</b> (n)	khí cacbonic (CO <sub>2</sub> )	16	<b>gather</b> (v)	hái, lượm, thu thập
6	<b>greenhouse gas</b> (n)	khí nhà kính	17	<b>in danger</b>	rơi vào nguy hiểm
7	<b>release</b> (v)	thải ra, thả ra	18	<b>cicada</b> (n)	con ve sầu
8	<b>vital</b> (adj)	cần cho sự sống, quan trọng	19	<b>shelter</b> (n)	nơi trú ẩn
9	<b>breathe in/out</b> (phr.v)	hít vào / thở ra	20	<b>hunt</b> (v)	săn bắn
10	<b>indigenous</b> (adj)	bản xứ	21	<b>mining</b> (n)	sự khai mỏ
11	<b>hum</b> (v)	kêu vo ve (ve sầu...)			

#### Vocabulary from KET

No.	Words	Meaning	No.	Words	Meaning
1	<b>advertisement</b> (n)	sự quảng cáo	3	<b>offer</b> (v)	sẵn lòng
2	<b>pupil</b> (n)	học sinh	4	<b>adult</b> (n)	người trưởng thành

- ❖ **Note :** v = verb: động từ, n = noun: danh từ, adj = adjective: tính từ, phr.v = phrasal verb: cụm động từ, idm = idiom: thành ngữ
- ❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép vào vở mỗi từ **1 dòng** vào vở ghi.

#### B. HOMEWORK

##### Exercise 1: Circle the correct answers

0. The increasing number of cars \_\_\_\_\_ a lot of greenhouse gas to the air.

A. gather

B. leap

C. dash

**(D) release**

1. We breathe \_\_\_\_\_ oxygen and breathe \_\_\_\_\_ carbon dioxide.

A. out - in

B. off - out

C. in - out

D. in - off

2. The \_\_\_\_\_ is the darkest of all rainforest layers, making it extremely difficult for plants to grow.

- A. forest floor      B. canopy      C. greenhouse      D. tree

3. The section below the canopy is called the \_\_\_\_\_. It contains small trees, *shrubs* (*cây bụi*), and plants.

- A. greenhouse      B. understory      C. forest      D. floor

4. Carbon dioxide is widely considered to be a/an \_\_\_\_\_, which is thought to be responsible for *global warming* (*sự nóng lên toàn cầu*).

- A. canopy      B. understory      C. oxygen      D. greenhouse gas

**Exercise 2: Fill in the blank with a suitable word from the box. There is ONE word you do not need**

<del>in danger</del>	release	chirping	vital
indigenous	gather	mining	canopy

0. He drove so fast that I really felt my life was in danger.

1. On the forest floor, it is usually dark because the \_\_\_\_\_ blocks so much of the sunlight.

2. As plants grow and burn energy, they \_\_\_\_\_ carbon dioxide back into the air in a process known as *respiration* (*sự hô hấp*).

3. Many trees are cut down for farm land and \_\_\_\_\_.

4. The exploration for new sources of energy, such as wind and solar, is \_\_\_\_\_ for the future of our planet.

5. The sun is shining and the bird is \_\_\_\_\_ in our garden.

6. During the camp fire, the boys \_\_\_\_\_ some wood to build a fire and stay up all night with it.

**Exercise 3: Matching**

0. ~~hum~~

~~A. make a low continuous sound~~

1. howl

B. a place to live or stay

2. shelter

C. make short high sounds

3. chirp

D. take air into your lungs and send it out through mouth or nose

4. hunt

E. chase animals or birds to kill or catch them

5. breathe

F. make a long, loud sound

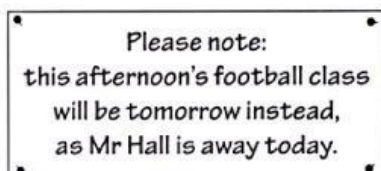
**Your answer:**

0 - <u>A</u>	1 - _____	2 - _____	3 - _____	4 - _____	5 - _____
--------------	-----------	-----------	-----------	-----------	-----------

## Questions 1–6

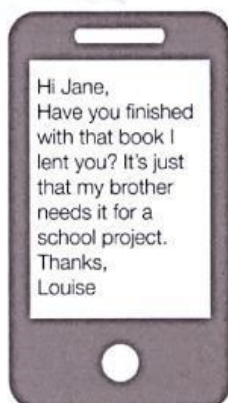
For each question, choose the correct answer.

1



- A There is no football class today.
- B Mr Hall can't come to the football class tomorrow.
- C You can choose to go to the football class today or tomorrow.

2



- A Louise is offering to lend Jane a book.
- B Louise wants her book back from Jane.
- C Louise's brother has borrowed a book from Jane.

3



- A You can buy food somewhere else in the park.
- B Please don't eat while you are playing sport here.
- C This is a place for eating and you can't play football here.

### Advice

1 If something is happening **this afternoon**, is it happening today or tomorrow?

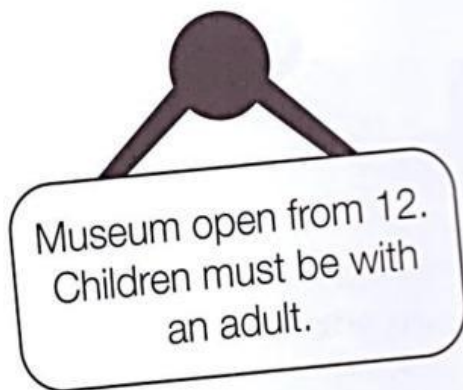
2 Why do you think Jane says **Have you finished with that book?**

3 What can't you do here?

5 If you come on foot, how do you travel?



4



- A Adults can take children to the museum in the morning.
- B Adults with children over 12 will enjoy the museum.
- C Children can visit the museum if they are with an adult.

5

<b>From:</b>	Mrs Monmouth, Head Teacher
<b>To:</b>	All Pupils and Parents

Hello,

This week, please don't use the car to get to school. Coming on foot is healthy and doesn't take much time.

Thanks,  
Mrs Monmouth

Why has Mrs Monmouth written this message?

- A to ask pupils to walk to school
- B to tell pupils to get to school on time
- C to explain about a health problem at school

6



- A Pedro's Pizza Bar isn't open at weekends.
- B The third time you visit, you get a free pizza.
- C Three pizzas cost the same as two.

Con làm bài nghe theo link sau: <https://www.youtube.com/watch?v=ea6Io7iPh4I>



### Questions 11–15

11

For each question, choose the correct answer.

You will hear Luis talking to his friend Charlotte about a computer game.

- 11 Where did Luis first find out about the game?
  - A from a game website
  - B from a school friend
  - C from a magazine advertisement
- 12 Charlotte likes the game because
  - A it's funny.
  - B it's hard.
  - C it's new.
- 13 Who does Luis want to play the game with?
  - A his brother
  - B his granddad
  - C his cousin
- 14 How long did Charlotte play the game for last Saturday?
  - A forty-five minutes
  - B one hour
  - C one hour and thirty minutes
- 15 Which part of the game does Luis like best?
  - A finding food
  - B building a hut
  - C crossing the river

### Advice

11 Read the question carefully. The word *first* is very important.

12 Sometimes the question and the recording use words that are opposites. What are the opposites of *funny*, *hard* and *new*?

14 There are other ways to say these times, e.g. *one hour* is the same as saying *sixty minutes*.

15 Listen for words on the recording that mean the same as important words in the question, e.g. *like best*.

### Exercise 1: Odd one out

- |    |                  |              |          |          |
|----|------------------|--------------|----------|----------|
| 0. | <u>Christmas</u> | Colosseum    | Pyramids | Sphinx   |
| 1. | axe              | spear        | swift    | sword    |
| 2. | aqueduct         | medicine     | reed     | bath     |
| 3. | crush            | throne       | preserve | flatten  |
| 4. | pharaoh          | weapon       | treasure | medicine |
| 5. | discover         | civilisation | preserve | leap     |

### Exercise 2: Complete the sentences with appropriate verb form

0. While Mary was drinking (**drink**) some milk, she dropped the glass.
1. When I was watching TV, I \_\_\_\_\_ (**hear**) the doorbell.
2. \_\_\_\_\_ (**turn**) off the light, please! I'm trying to sleep now.
3. Don't \_\_\_\_\_ (**touch**) the jewellery! It belongs to the Queen.
4. Yesterday, they arrived when we \_\_\_\_\_ (**have**) dinner with neighbours.
5. \_\_\_\_\_ (**go**) ahead and turn left at the crossroads and you will see the Pyramid.

**\*Lưu ý:** Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở 1 dòng.